TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HS-ST
Ngày : 03/6/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thụ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Kim Yến

Bà Phạm Thị Trịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Cao Xuân Cường - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 54/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bùi Quan Anh N, sinh năm 1993 tại Tp. Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Phường A, quận B, Tp. Hồ Chí minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Quan T, sinh năm 1968 và bà: Đặng Thị B, sinh năm 1971; có vợ: Trần Thanh T, sinh năm 2000 và con: 01 người, sinh năm 2019; nhân thân: Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 Ủy ban nhân dân quận Tân Bình áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; tiền án: không; tiền sự: Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 Ủy ban nhân dân quận Tân Bình áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy 24 tháng, Quyết định số 0042576/QĐ-XPVPHC ngày 13/5/2019 Công an Phường A, quận B xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; tạm giữ, tạm giam: 17/10/2019. Có mặt.

2. Đặng Thanh T, sinh năm 1972 tại Tp. Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: xã C, huyện B, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phùng Ngọc T (chết) và bà: Đặng Thị H, sinh năm 1948; có vợ: Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1986 và 02 con: lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2015; nhân thân: Bản án số 53/HSST ngày 12/4/1995 Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí

Minh xử phạt 12 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", Bản án số 2050/HSST ngày 13/10/1998 Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 40 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", Bản án số 869/HSST ngày 07/6/2004 Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản", Quyết định số 193/QĐ-TA ngày 01/11/2016 Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng; tiền án: không; tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: 17/10/2019. Có mặt.

3. Võ Đình H, sinh năm 1995 tại Tp. Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Phường E, quận B, Tp. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Phi, sinh năm 1968 và bà: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1969; có vợ: Vũ Thị Bích T (đã chết) và 03 con: lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2018; nhân thân: Bản án số 08/HSST ngày 19/01/2011 Tòa án nhân dân quận Tân Bình xử phạt 01 năm tù về tội "Cướp tài sản", Quyết định số 134/QĐ-TA ngày 25/7/2016 Tòa án nhân dân quận Tân Bình đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng; tiền án: Bản án số 59/2013/HSST ngày 12/3/2013 Tòa án nhân dân quận Tân Bình xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/01/2015, chưa chấp hành xong trách nhiệm dân sự; tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: 27/11/2019. Có mặt.

4. Đỗ Hoàng T1, sinh năm 1987 tại Tp. Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Phường F, quận B, Tp. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Hoàng L, sinh năm 1962 và bà: Bùi L, sinh năm 1962; có vợ: Trần Thị Tuyết V, sinh năm 1992 và 03 con: lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: Bản án số 89/2015/HSST ngày 13/5/2015 Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có", chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/7/2016, chưa chấp hành trách nhiệm dân sự; tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: 24/12/2019. Có mặt.

- *Bị hại*:

1. Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1972, nơi cư trú: Phường E, quận B, Tp. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1990, nơi cư trú: Phường G, Quận H, Tp. Hồ Chí Minh. Có mặt.

3. Ông Hoàng Đình H, sinh năm 1958, nơi cư trú: Phường I, quận K, Tp. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1976, nơi cư trú: phường A, quận B, Tp. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1982, nơi cư trú: Phường D, quận B, Tp. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

6. Anh Phạm Thế H2, sinh năm 1972, nơi cư trú: Phường E, quận B, Tp. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

7. Chị Trần Anh T, sinh năm 1984, nơi cư trú: Phường A, quận B, Tp. Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Võ Khắc T4, sinh năm 1982, địa chỉ: Phường A, quận B, Tp. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/9/2019, sau khi chơi game bắn cá hết tiền, Bùi Quan Anh N rủ Đặng Thanh T đi trộm cắp tài sản, T đồng ý. T điều khiển xe gắn máy biển số 51F5-5737, chở N đi trên các tuyến đường tìm tài sản sơ hở trộm cắp. Khi đến trước nhà số 83/18 đường X, Phường E, quận B, N phát hiện xe máy biển số 55P5-9342 của anh Nguyễn Đức T dựng trước cổng nhà, không người trông coi, N kêu T dừng xe để N đi bộ, lét lút tiếp cận, dùng đoản sắt mang theo, bẻ khóa công tắc xe, dẫn bộ xe đi một đoạn sau đó khởi động máy xe tẩu thoát, T điều khiển xe phía sau làm nhiệm vụ truy cản. Sau khi chiếm đoạt được xe của anh T, Nhân đem bán cho Đỗ Hoàng T1 được 4.000.000 đồng, chia cho T 2.000.000 đồng.

Đến ngày 17/10/2019, qua điều tra truy xét, Cơ quan Điều tra đã bắt giữ được N và T. Tại cơ quan điều tra, Bùi Quan Anh N và Đặng Thanh T đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe Honda AirBlade biển số 55P5-9342 là tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được, trị giá 20.000.000 đồng. Bị hại anh Nguyễn Đức T yêu cầu được bồi thường 10.000.000 đồng.

- 03 USB ghi lại hình ảnh xác vụ trộm cắp xe máy.

- Thu giữ của T: 01 biển số xe 55P7-2774, 01 biển số xe 59P2-652.07, 01 điện thoại Philip màu xanh, 01 nón bảo hiểm, 01 đôi giày da màu đen, 01 quần jean, 01 áo thun ngắn tay, 01 áo mưa có chữ RANDO (đây là áo mưa anh T để trong cốp xe biển số 55P5-9342, T giữ lại sử dụng); 01 xe máy Suzuki Viva, biển số 51F5-5737 (phương tiện gây án), T khai mượn của T4 (không rõ lai lịch). Qua xác minh, xe do Phạm Thị L đứng tên đăng ký nhưng không xác định được lai lịch của L, tiến hành xác minh tại Công an Tp. Hồ Chí Minh không có dữ liệu xe, Cơ quan điều tra đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả.

Thu giữ của Nhân: 01 bộ đoản phá khóa xe bằng kim loại hình chữ T, dài khoảng 15 cm; 01 cái quần; 02 áo thun và 01 điện thoại Nokia màu đen.

Quá trình điều tra, xác định N và T còn thực hiện chung 01 vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 04/10/2019, T điều khiển xe máy biển số 51F5-5737 chở N đi trộm cắp tài sản, khi đến trước số 107/71 đường Y, Phường A, quận B, phát hiện xe máy Honda Lead biển số 76G1-098.56, của chị Trần Anh T có cắm sẵn ổ khóa xe, không có người trông coi. T chạy xe lên phía trước đứng đợi, Nhân

đi bộ, tiếp cận trộm được xe, rồi nổ máy tẩu thoát. Sau đó, N đem chiếc xe trên bán cho Đỗ Hoàng T1 được 2.700.000 đồng, số tiền này T và N chia đôi tiêu xài.

Vật chứng vụ án: 01 xe Honda Lead biển số 76G1-098.56 là tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được, trị giá 14.000.000 đồng. Bị hại chị T yêu cầu bồi thường 5.000.000 đồng.

Ngoài ra, quá trình điều tra mở rộng vụ án, xác định Bùi Quang Anh N và Đặng Thanh T còn thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn quận Tân Bình với các đồng phạm khác, cụ thể như sau:

1. Các vụ án Đặng Thanh T cùng Võ Đình H thực hiện:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 29/8/2019, T và H rủ nhau đi trộm cắp xe máy, mang bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. T điều khiển xe máy biển số 51F5-5737, chở H ngồi sau đi trên các tuyến đường tìm tài sản sơ hở trộm cắp. Khi đến trước số 170 đường Z, Phường E, quận B, Hân phát hiện 01 xe gắn máy màu đỏ hiệu Honda Future, biển số 55P7-2774 của anh Phạm Thế H2 dựng trong nhà, cửa sắt nhà chưa kéo hết. H kêu T dừng xe để H vào lấy trộm xe, T đứng ngoài cảnh giới, H đi bộ vào trong nhà dắt lui xe ra đường rồi dùng đoản đem theo phá khóa xe tẩu thoát về hướng đường S. Sau khi trộm được xe, cả hai chạy xe về nhà thuê của T ở địa chỉ 25/1 đường P, phường H, quận K, T thay biển số xe 55P7-2774 bằng một biển số xe khác, rồi đem xe vào bãi xe của chung cư C, quận K gửi giữ. Sau đó, cả hai bán cho một người đàn ông tên L (không rõ lai lịch) tại tiệm bắn cá A với giá 7.000.000 đồng, chia nhau tiêu xài hết. Quá trình điều tra, Đặng Thanh T và Võ Đình H đã khai nhận hành vi phạm tội như trên, lời khai của cả hai phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án: 01 xe Honda Future biển số 55P7-2774 là tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được, trị giá 9.000.000 đồng. Anh H2 không yêu cầu bồi thường.

- Vụ thứ hai: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 8/8/2019, T điều khiển xe máy biển số 51F5-5737 chở H đi trộm cắp tài sản, khi đến trước Siêu thị B, số 88 đường V, Phường G, quận B, H phát hiện xe Honda Wave biển số 59E1-674.17 của anh Nguyễn Ngọc T2 dựng trước cửa hàng, H kêu T dừng xe, H đi bộ, tiếp cận dùng đoản bẻ khóa xe, khởi động máy xe tẩu thoát, sau đó H đem xe bán cho Đỗ Hoàng T1 được 7.000.000 đồng, chia nhau tiêu xài.

Quá trình điều tra, bị can T đã khai nhận hành vi trộm cắp xe máy như trên và đã xác định chính xác địa điểm lấy trộm xe của anh T2, cũng như đặc điểm xe đã trộm cắp. Tuy nhiên, bị can H không thừa nhận đã cùng với T trộm cắp xe máy của anh T2. Tiến hành cho đối chất nhưng cả hai đều giữ nguyên lời khai. Hiện nay, ngoài lời khai của T, không có tài liệu, chứng cứ khác xác thực, do đó chưa đủ chứng cứ quy kết H cùng T trộm cắp xe máy của anh T2.

Vật chứng vụ án: 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave, biển số 59E1-674.17 là tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được, trị giá 10.000.000 đồng. Bị hại anh Nguyễn Ngọc T2 yêu cầu được bồi thường 13.500.000 đồng.

2. Các vụ án Bùi Quan Anh N khai cùng các đối tượng khác cùng thực hiện: Ngoài 02 vụ trộm cắp tài sản cùng bị can T thực hiện như trên, bị can N khai cùng Võ Khắc T4 (tên gọi khác "Đen") thực hiện 02 vụ trộm cắp; cùng H5 "điên" (không rõ lai lịch) thực hiện 01 vụ trộm cắp, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 15 giờ ngày 01/8/2019, Võ Khắc T4 điều khiển xe máy Yamaha Jupiter của T4 chở N đi trộm cắp tài sản. Khi đến trước số 958/54/24 đường Y, Phường A, quận B, T4 phát hiện có 01 xe gắn máy hiệu Honda AirBlade biển số 59D1-652.23 của anh Nguyễn Văn H1 dựng trước nhà không người trông coi. T4 chỉ cho N thấy và dừng xe lại đưa bộ đoản cho N. N đi bộ lại gần xe mở được khóa xe nhưng khởi động không nổ máy nên T4 chạy xe lại phía sau đẩy xe tẩu thoát. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, N đem chiếc xe trên đến trước cây xăng số 462 phường G, quận K bán cho Đỗ Hoàng T1 với giá 8.000.000 đồng, chia đôi tiêu xài hết.

Vật chứng vụ án: 01 xe gắn máy hiệu Honda AirBlade biển số 59D1-652.23 là tài sản bị chiếm đoạt, không thu hồi được, trị giá 28.000.000 đồng. Bị hại anh Nguyễn Văn H1 đã được gia đình bị can N bồi thường số tiền 27.000.000 đồng, nên không có yêu cầu gì khác.

- Vụ thứ hai: Khoảng 18 giờ ngày 16/08/2019, Võ Khắc T4 điều khiển xe máy hiệu Yamaha Jupiter của T4 chở N đi trộm cắp. Khi đến trước số 703/13 đường Y, Phường A, quận B, Tiến phát hiện có 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave màu đỏ biển số 53V5-3357 của anh Hoàng Đình H dựng trước nhà, không người trông coi. T4 chỉ cho N Thấy và kêu N lại lấy xe. Do khóa xe hình xoắn nên Nhân không bẻ khóa được, T4 đưa xe của mình cho N chạy, Tiến vào dắt trộm xe, N chạy xe theo đẩy. Sau đó, N đem chiếc xe trên đến tiệm cầm đồ "Y", quận B cầm cho Nguyễn Văn L được 1.000.000 đồng, chia nhau tiêu xài. Qua làm việc, Nguyễn Văn L cho biết không quen biết N và không nhận cầm cố xe máy của N.

Vật chứng vụ án: 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave màu đỏ biển số 53V5-3357 là tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được, trị giá 2.500.000 đồng. Bị hại anh Hoàng Đình H yêu cầu bồi thường số tiền là 3.000.000 đồng.

Qua trình điều tra, bị can N khai nhận đã cùng Võ Khắc T4 trộm cắp các xe máy như trên và đã xác định chính xác các địa điểm trộm cắp, đặc điểm các xe trộm cắp, phù hợp với lời khai của bị hại và nhân chứng. Tuy nhiên, Võ Khắc T4 không thừa nhận đã cùng với Nhân trộm cắp những chiếc xe máy trên như lời khai của N, tiến hành cho đối chất, cả hai vẫn giữ nguyên lời khai. Do hiện nay chỉ có lời khai của N nên chưa đủ cơ sở quy kết T4 cùng N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên.

Vụ thứ ba: Khoảng 11 giờ ngày 14/10/2019, trong khi N và H5 "điên" (không xác định được lai lịch) đang chơi bắn cá tại tiệm bắn cá Phúc Nguyên trên đường đường X, Phường A, quận B, H5 rủ N đi trộm cắp xe máy, N đồng ý. Hậu điều khiển xe máy Honda Dream của H5 chở N đi tìm tài sản sơ hở trộm cắp. Đến khoảng 11 giờ 20 phút cùng ngày, khi đến trước số 572/17, Phường A, quận B, H5 phát hiện có 01 xe gắn máy hiệu Honda Future biển số 72F6-8182 của anh Nguyễn Văn T3, không có khóa cổ xe, không có người trông coi. N lại dắt trộm xe, H5

chạy xe phía sau đẩy xe tẩu thoát. Sau đó H5 đem xe bán cho Đỗ Hoàng T1 được 4.000.000 đồng, chia nhau tiêu xài.

Tại Cơ quan điều tra, N đã khai nhận cùng H5 trộm cắp xe máy như trên và đã xác định chính xác địa điểm trộm cắp xe máy của anh T3. Lời khai của N phù hợp với các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Đối với H5 "điên", do N không xác định được tên thật, nhân thân lai lịch nên không có cơ sở điều tra làm rõ đối tượng H5 "điên" với vai trò đồng phạm trong vụ trộm cắp này.

Vật chứng vụ án: 01 xe gắn máy hiệu Honda Future biển số 72F6-8182 là tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được, trị giá 11.000.000 đồng. Bị hại anh Nguyễn Văn T3 không có yêu cầu bồi thường.

Ngoài ra, Võ Đình H còn khai nhận cùng với Bùi Quan Anh N đi trộm cắp 01 xe hắn máy hiệu Wave màu đỏ tại số 23 đường Z, Phường A, quận B vào tháng 9/2019, sau đó có 02 đối tượng tên "B Huế" và "T bánh bèo" hỗ trợ đẩy xe mang đi bán cho Đỗ Hoàng T1 được 3.500.000 đồng. Tuy nhiên, N không thừa nhận cùng H trộm cắp xe gắn máy trên. Qua xác minh không có bị hại đến trình báo, không rõ lai lịch của "B Huế" và "T bánh bèo" để làm rõ vụ việc. Tiến hành cho N và H đối chất, cả hai vẫn giữ nguyên lời khai. Cơ quan cảnh sát Công an quận Tân Bình đã tiến hành đăng báo tìm bị hại nhưng chưa có kết quả nên không có cơ sở để khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với N và H về hành vi trộm cắp này.

Trong quá trình điều tra, bị can N đã khai nhận với Cơ quan điều tra về 04 vụ trộm cắp xe gắn máy trên địa bàn quận Tân Bình, do các đối tượng "C miên", "C lì" và "B anh" (không rõ lai lịch) thực hiện mà N biết nhưng không tham gia cùng. Qua xác minh các thông tin do N cung cấp, Cơ quan Điều tra đã khởi tố các vụ án riêng để tiếp tục điều tra làm rõ.

Đối với hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" của Đỗ Hoàng T1:

Đỗ Hoàng T1 chỉ thừa nhận có mua 01 xe gắn máy hiệu Honda Airblade của N, cụ thể như sau: Khoảng 16 giờ ngày 01/8/2019, sau khi trộm cắp xe máy Honda Airblade biển số 59D1-652.23 của anh Nguyễn Văn H1, Bùi Quan Anh N gọi điện cho T1 để bán xe, N và Tiến đã hẹn nhau đến trước cây xăng số 462 phường G, quận K, do xe bị vỡ bửng bên phải cả hai thống nhất giá mua bán xe là 7.500.000 đồng. Sau đó vài ngày, N gọi điện cho T1 hỏi chuộc xe nhưng T1 đã đem bán cho người khác không rõ lai lịch, với giá 8.000.000 đồng. Ý thức của T1 biết đây là xe do N trộm cắp được mà có.

Ngoài ra, N khai còn bán cho T1 01 xe máy Honda AirBlade biển số 55P5-9342, trộm cắp của anh T với giá 4.000.000 đồng; 01 xe máy Honda Lead biển số 76G1-098.56 trộm cắp của chị Trần Anh T với giá 2.700.000 đồng nhưng T1 không thừa nhận. Tiến hành cho N và T1 đối chất, cả hai vẫn giữ nguyên lời khai, do hiện nay ngoài lời khai của N thì không có thêm tài liệu, chứng cứ khác xác thực nên chưa đủ căn cứ buộc tội đối với T1.

Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 31 tháng 3 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố các bị cáo Bùi Quan Anh N và Đặng Thanh T

về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Võ Đình H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Đỗ Hoàng T1 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình nêu tóm tắt nội dung vụ án, các nguyên nhân điều kiện phát sinh tội phạm, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo N từ 03 năm đến 04 năm tù, bị cáo T từ 03 năm đến 04 năm tù, bị cáo H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, bị cáo T1 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự thì đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, không có tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Bùi Quan Anh N, Đặng Thanh T, Võ Đình H và Đỗ Hoàng T1, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với bản kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người làm chứng cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận:

- Bị cáo Bùi Quan Anh N và bị cáo Đặng Thanh T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe gắn máy hiệu Honda Airblade biển số 55P5-9342 trị giá 20.000.000 đồng của anh Nguyễn Đức T, 01 xe gắn máy hiệu Honda Lead trị giá 14.000.000 đồng của chị Trần Anh T; ngoài ra bị cáo N còn có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe gắn máy hiệu Honda Airblade biển số 59D1-652-23 trị giá 28.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn H1, 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 53V5-3357 trị giá 2.500.000 đồng của ông Hoàng Đình H và 01 xe gắn máy hiệu Honda Future biển số 72F6-8182 trị giá 11.000.000 đồng của anh Nguyễn

Văn T3, tổng trị giá tài sản bị cáo N đã chiếm đoạt là 75.500.000 đồng, thuộc trường hợp "Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng", là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự;

- Bị cáo Võ Đình H có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe gắn máy hiệu Honda Future biển số 55P7-2774 trị giá 9.000.000 đồng của anh Phạm Thế H2 cùng với bị cáo Đặng Thanh T, đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

- Bị cáo Đặng Thanh T ngoài 02 lần trộm cắp cùng bị cáo Bùi Quan Anh N, 01 lần trộm cắp cùng bị cáo Võ Đình H, còn khai nhận lén lút chiếm đoạt 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 51F5-5737 trị giá 10.000.000 đồng của anh Nguyễn Ngọc T2 (tuy nhiên bị cáo H không thừa nhận); tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 53.000.000 đồng, thuộc trường hợp "Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng", là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự;

- Bị cáo Đỗ Hoàng T1 tuy biết chiếc xe gắn máy hiệu Honda Airblade biển số 59D1-652-23 trị giá 28.000.000 đồng của bị cáo Bùi Quan Anh N do phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua để bán kiếm lời, đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của các bị cáo là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội. Nó vừa trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản hợp pháp của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo hộ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có bị pháp luật ngăn cấm và bị trừng trị nhưng do động cơ tham lam nên các bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm một cách liều lĩnh, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Bị cáo Võ Đình H và Đỗ Hoàng T1 đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội, lần phạm tội này của các bị cáo được xác định là "Tái phạm", là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này, các bị cáo Bùi Quan Anh N và Đặng Thanh T đã 04 lần thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở lên", là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; xét nhân thân các bị cáo là xấu, các bị cáo đã bị kết án, xử phạt hành chính nhưng không lấy làm bài học cho bản thân mà lại cố tình phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù thật nghiêm nhằm mục đích giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo N đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại anh Nguyễn Văn H1 để khắc phục một phần hậu quả; trong quá trình điều tra, bị cáo N đã khai báo với cơ quan điều tra 04 vụ trộm cắp tài sản mà bị cáo biết để cơ quan điều tra khởi tố các vụ án này điều tra làm rõ, để giảm nhẹ một

phần hình phạt cho các bị cáo T, H và T1 theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cho bị cáo N theo quy định tại điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Nguyễn Văn H1 đã được gia đình bị cáo Bùi Quan Anh N bồi thường trị giá chiếc xe gắn máy bị chiếm đoạt không thu hồi được và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị hại anh Nguyễn Đức T, anh Nguyễn Văn T3 và anh Phạm Thế H2 không yêu cầu các bị cáo bồi thường trị giá các xe gắn máy bị chiếm đoạt không thu hồi được. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bị hại không yêu cầu các bị cáo N, T và H bồi thường.

Bị hại chị Trần Anh T yêu cầu bị cáo Bùi Quan Anh N và bị cáo Đặng Thanh T bồi thường 10.000.000 đồng là trị giá chiếc xe gắn máy hiệu Honda Lead bị chiếm đoạt không thu hồi được, các bị cáo đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị T là có cơ sở nên chấp nhận, buộc các bị cáo N và T bồi thường cho chị T, cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị T 5.000.000 đồng.

Bị hại ông Hoàng Đình H yêu cầu bị cáo Bùi Quan Anh N bồi thường 3.000.000 đồng do không thu hồi được chiếc xe gắn máy hiệu Drum biển số 53V5-3357, bị cáo đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông H là có cơ sở nên chấp nhận, buộc bị cáo N bồi thường cho ông H số tiền 3.000.000 đồng.

Bị hại anh Nguyễn Ngọc T2 yêu cầu bị cáo Đặng Thanh T bồi thường 10.000.000 đồng là trị giá chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave bị chiếm đoạt không thu hồi được, bị cáo T đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh T2 là có cơ sở nên chấp nhận, buộc bị cáo T bồi thường cho anh T2 số tiền 10.000.000 đồng.

Bị cáo Đỗ Hoàng T1 khai nhận sau khi mua chiếc xe gắn máy hiệu Honda Airblade biển số 59D1-652-23 từ bị cáo N đã mang đi bán kiếm lời được 500.000 đồng tiêu xài hết. Hội đồng xét xử xét thấy số tiền 500.000 đồng này là do bị cáo phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo nộp lại sung ngân sách Nhà nước.

[5] Về tang vật vụ án:

- 03 USB ghi nhận dữ liệu các vụ trộm cắp là chứng cứ của vụ án và có thể lưu giữ trong hồ sơ vụ án nên cần lưu vào hồ sơ vụ án.

- 01 cây sắt hình chữ T dài khoảng 15cm, 01 cây sắt lục giác có 1 đầu nhọn dài 7cm thu giữ của bị cáo N. Bị cáo khai dùng vào việc mở khóa các xe gắn máy đã trộm được, Hội đồng xét xử xét thấy đây là công cụ phạm tội nên cần tịch thu và tiêu hủy.

- 02 áo thun ngắn tay và 01 quần ngắn thu giữ của bị cáo N; 01 nón bảo hiểm, 01 đôi giày da màu đen, 01 quần jean, 01 áo thun ngắn tay và thu giữ của bị cáo T, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có yêu cầu nhận lại và đây là những vật không có giá trị nên tịch thu và tiêu hủy.

- 01 áo mưa có chữ RANDO thu giữ của bị cáo T. Bị cáo khai lấy được từ trong cốp xe gắn máy biển số 55P5-9342 của anh Nguyễn Đức T. Hội đồng xét xử xét thấy anh T không có yêu cầu nhận lại và đây là vật không có giá trị nên tịch thu và tiêu hủy.

- 01 biển số xe gắn máy 55P7-2774 thu giữ của bị cáo T. Bị cáo khai đây là biển số của chiếc xe gắn máy hiệu lấy trộm của anh Phạm Thế H2. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản hợp pháp của anh H2 nên cần trả lại cho anh H2.

- 01 biển số 59P2-65207 thu giữ của bị cáo T. Bị cáo khai của đối tượng tên "Bi Huế" nhờ giữ giùm. Qua xác minh, xe do anh Võ Văn T đứng tên sở hữu. Anh T khai đã bán xe gắn máy trên cho một người tên T6 làm nghề chạy xe ôm vào năm 2018, chưa làm thủ tục sang tên. Hội đồng xét xử xét thấy biển số trên là vật không có giá trị nên tịch thu và tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen thu giữ của bị cáo N, 01 điện thoại di động hiệu Philip màu xanh dương thu giữ của bị cáo T, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo dùng điện thoại vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 xe môt Suzuki Viva màu xanh biển số 51F5-5737 thu giữ của bị cáo T. Hội đồng xét xử xét thấy xe gắn máy trên có nguồn gốc chưa rõ ràng, cần giao Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình đăng báo trong một thời gian nhất định, quá thời hạn trên không có ai đến nhận thì lập thủ tục nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Quan Anh N;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đặng Thanh T;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Võ Đình H;

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Hoàng T1.

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[1] Tuyên bố các bị cáo Bùi Quan Anh N, Đặng Thanh T và Võ Đình H phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Đỗ Hoàng T1 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt bị cáo: Bùi Quan Anh N 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 17/10/2019.

Xử phạt bị cáo: Đặng Thanh T 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 17/10/2019.

Xử phạt bị cáo: Võ Đình H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 27/11/2019.

Xử phạt bị cáo: Đỗ Hoàng T1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2019.

[2] Buộc bị cáo Bùi Quan Anh N bồi thường cho chị Trần Anh T số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng; bồi thường cho ông Hoàng Đình H số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Buộc bị cáo Đặng Thanh T bồi thường cho chị Trần Anh T số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc T2 số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Buộc bị cáo Đỗ Hoàng T1 nộp lại số tiền 500.000 (năm trăm ngàn) đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[3] Lưu vào hồ sơ vụ án 03 USB ghi nhận dữ liệu các vụ trộm cắp.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 cây sắt hình chữ T dài khoảng 15cm, 01 cây sắt lục giác có 1 đầu nhọn dài 7cm (01 gói niêm phong bên ngoài có xác nhận và chữ ký của Bùi Quan Anh N); 01 áo thun ngắn tay màu trắng, 01 áo thun màu đen ngắn tay và 01 quần ngắn màu xám (01 gói niêm phong bên ngoài có xác nhận và chữ ký của Bùi Quan Anh N); 01 bón bảo hiểm màu đen dạng nón kết, 01 đôi giày da màu đen, 01 quần jean màu xanh và 01 áo thun ngắn màu xanh (01 gói niêm phong bên ngoài có xác nhận và chữ ký của Đặng Thanh T), 01 áo mưa có chữ Rando và 01 biển số 59P2-65207.

Trả lại cho anh Phạm Thế H2 01 biển số xe gắn máy 55P7-2774.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số imei: 357310080053749 và 01 điện thoại di động hiệu Philip màu xanh dương, số imei: 861276035403447.

Giao Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình đăng báo tìm chủ sở hữu 01 xe gắn máy hiệu Suzuki Viva màu xanh, biển số 51F5-5737, số khung: BE42D-VN124829, số máy: E412-VN124829 trong thời gian 01 năm, quá thời hạn trên không có ai đến nhận thì lập thủ tục nộp ngân sách Nhà nước.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 207/PNK ngày 27/11/2019 của Công an quận Tân Bình).

[4] Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Bùi Quan Anh N phải chịu 400.000 (bốn trăm ngàn) đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Bị cáo Đặng Thanh T phải chịu 750.000 (bảy trăm năm mươi ngàn) đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày chị Trần Anh T, anh Nguyễn Ngọc T2 và ông Hoàng Đình H có đơn xin thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản như đã nêu trên, các bị cáo Bùi Quan Anh N và Đặng Thanh T còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

[5] Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, các bị cáo, các bị hại có mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sư có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại;
- Người có QL,NV liên quan;
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Đức Thụ